

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v: Tranh chấp về hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Tua

2/ Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2023 và ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST– DS ngày 06 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2022/QĐST-DS, ngày 27 tháng 3 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 58/2023/QĐST – DS ngày 24 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn B, sinh năm 2003, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (có mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thanh T, tên gọi khác: Bác A, sinh năm 1973, địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1967 (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Thanh T (T1), sinh năm 1988 (vắng mặt)

3. Ông Thạch K, sinh năm 1971 (vắng mặt)

4. Anh Thạch Hoàng S, sinh năm 1992 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1973 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn B trình bày: Chị có cho bị đơn bà Trần Thanh T vay nợ 02 lần, cụ thể như sau: *Lần 01*, ngày 14/8/2020, bị đơn lại nhà chị hỏi mượn vàng, do là hàng xóm nên chị đã đưa cho bị đơn mượn 02 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín), không rõ mục đích vay, thỏa thuận tới vụ lúa Đông Xuân sẽ trả, biên nhận do cha chồng là ông Thạch K viết giùm và đưa cho bị đơn bà Trần Thanh T trực tiếp ký nhận; *Lần 02*, buổi sáng, ngày 16/12/2020, bị đơn lại nhà chị hỏi mượn vàng. Do chị chỉ còn vàng cưới nên chị không cho mượn vàng mà đem cầm vàng để lấy tiền cho bị đơn mượn, bị đơn cũng đồng ý mượn tiền. Do đó, chị và bà T thỏa thuận là chị sẽ cho bà T mượn số tiền là 33.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín), không hỏi mục đích vay, thỏa thuận tới vụ Đông Xuân sẽ hoàn trả, biên nhận do ông cha chồng là ông Thạch K viết giùm và đưa cho bà T ký nhận. Do có việc bận nên sau khi ký biên nhận thì bà T về trước mà không đợi lấy tiền, khi về bà T có nói là một lát sau con trai của bà T tên là T (T1) sẽ đến lấy tiền và vàng giùm cho bà T. Đến buổi trưa cùng ngày thì con trai bà T đến nhà chị trực tiếp nhận 33.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín). Từ khi cho bà T vay đến nay, chị có nhận của bà T 2.000.000 đồng tiền lãi của số tiền vay gốc 30.000.000 đồng. Chị nhận số tiền này để chị đóng lãi cầm vàng. Sau đó do bà T không trả lãi nữa nên chị không có khả năng đóng lãi cầm vàng nên đã bán luôn vàng cưới. Ngoài ra, chị không có lấy lãi đối với tiền và vàng cho bà T vay. Đến thời gian thỏa thuận nhưng bà T không trả nợ nên chị có đến nhà bà T đòi nợ. Bà T và chồng là ông Nguyễn Thanh P không đồng ý trả mà còn xảy ra cự cãi. Tiền và vàng cho bị đơn vay là tài sản của chung của chị với chồng là anh Thạch Hoàng S. Do chị là người cho vay nên chị khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vàng đã vay, anh S thống nhất cho chị kiện bà T mà không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án. Tại phiên tòa, chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng) và 03 chỉ vàng 24K (loại vàng bốn số chín), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bị đơn bà Trần Thanh T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng bị đơn bà Trần Thanh T vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bà Trần Thanh T

có mặt và đã thừa nhận có ký 01 chữ ký vào 01 biên nhận với số tiền vay là 30.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 24K và tiền lãi 3.000.000 đồng, có đọc biên nhận trước khi ký tên. Số vàng 02 chỉ vàng 24K là do bà trực tiếp nhận; Đối với biên nhận 02 chỉ vàng 24K thì bà không thừa nhận chữ ký và đồng ý giám định chữ ký nên Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thực hiện thủ tục giám định. Ngay sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa thì bà T đề nghị không giám định chữ ký và có ý kiến là đồng ý trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn. Bà T cho rằng đây là nợ của con trai bà là anh Nguyễn Thanh T và cũng vì lý do là bà đã ký vào biên nhận nợ nên bà nhận trách nhiệm trả nợ, đối với chồng bà là ông Nguyễn Thanh P thì hoàn toàn không hay biết việc vay nợ này. Do đó bà tự nguyện trả nợ theo yêu cầu của phía nguyên đơn mà không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T hay ông Nguyễn Thanh P phải cùng có trách nhiệm trả nợ với bà.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: Bà là mẹ chồng chị B khẳng định tiền và vàng cho bà Trần Thanh T và anh Nguyễn Thanh T vay là tài sản của vợ chồng anh Thạch Hoàng S và chị Nguyễn B (con trai và con dâu của bà) nên việc chị Nguyễn B kiện bà Trần Thanh T thì bà thống nhất, bà không có yêu cầu trong vụ án.

Tại văn bản ngày 12/01/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Thạch Hoàng S trình bày: Anh là chồng của chị Nguyễn B. Chị B có cho bà Trần Thanh T vay 33.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24k (loại bốn số chín), đây là tài sản chung của vợ chồng. Anh thống nhất để cho chị B kiện bà T đòi lại tiền vàng đã cho bà T vay. Trong vụ án này anh có cùng ý kiến với chị Nguyễn B, không có yêu cầu hay ý kiến khác.

Tại văn bản ngày 12/01/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch K trình bày: Anh Thạch Hoàng S là con trai của ông, chị Nguyễn B là vợ của anh S và cũng là con dâu của ông. Chị Nguyễn B có cho bà Trần Thanh T vay 33.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K (loại bốn số chín). Chị B cho bà T vay 02 lần: Lần thứ nhất: Chị B cho bà T vay 01 chỉ vàng 24K (loại vàng bốn số chín), ông đã viết giùm biên nhận và chứng kiến việc giao nhận vàng giữa chị B và bà T; Lần thứ hai: Chị B cho bà T vay 02 chỉ vàng 24K (loại vàng bốn số chín) và 33.000.000 đồng, ông đã viết giùm biên nhận và chứng kiến bà T ký biên nhận xong thì về. Sau đó, chị B đi chợ bán vàng cưới để lấy tiền cho bà T vay. Khi chị B về tới nhà có gọi điện cho bà T lại lấy tiền nhưng bà T nói nể quá nên kêu con trai bà T là anh Nguyễn Thanh T (T1) đến nhà ông nhận 02 chỉ vàng 24K (loại bốn số chín) và 33.000.000 đồng, ông có chứng kiến việc giao nhận tiền vàng giữa chị B và anh T. Ông không có yêu cầu hay ý kiến gì trong

vụ án này.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Thanh T (T1): Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Thanh T (T1) vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; Về ý thức chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng pháp luật, riêng đối với ông Phong và anh T là chưa đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 33.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K.

Về án phí buộc đương sự chịu theo quy định pháp luật

Kiến nghị khắc phục vi phạm: Không có.

Vấn đề các đương sự thỏa thuận được và không thỏa thuận được: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Áp dụng pháp luật về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật: Ngày 14/8/2020 và ngày 16/12/2020, giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập 02 hợp đồng vay (tiền và vàng) thông qua hình thức văn bản “biên nhận”, trong quá trình thực hiện hợp đồng đã phát sinh tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền và vàng đã vay. Bị đơn cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh H. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp thuộc trường hợp “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh P, anh Nguyễn Thanh T (T1) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thạch K

và anh Thạch Hoàng S có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Áp dụng pháp luật về nội dung: Hợp đồng vay giữa các bên được xác lập vào ngày 14/8/2020 và ngày 16/12/2020, nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp.

[3] Về nội dung khởi kiện: Nguyên đơn chị Nguyễn B cầu bị đơn bà Trần Thanh T trả số nợ vay gốc là 33.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín), không yêu cầu trả lãi. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp, phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án bản gốc “biên nhận” ngày 14/8/2020 và “biên nhận” ngày 16/12/2020, có họ tên, năm sinh, địa chỉ, số tiền và số lượng vàng vay cụ thể, có ký nhận của bên vay là bà Trần Thanh T; Tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thanh T thừa nhận có ký 01 chữ ký vào 01 biên nhận ngày 16/12/2020 với số tiền vay là 30.000.000 đồng, 02 chỉ vàng 24K và tiền lãi 3.000.000 đồng, có đọc biên nhận trước khi ký tên. Số vàng 02 chỉ vàng 24K là do bà T trực tiếp nhận; Đối với biên nhận ngày 14/8/2020 với số vàng vay là 02 chỉ vàng 24K thì bà T không thừa nhận chữ ký và đồng ý giám định chữ ký nên Tòa án tạm ngừng phiên tòa để thực hiện thủ tục giám định. Ngay sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa thì bà Trần Thanh T đề nghị không giám định chữ ký và có ý kiến là đồng ý trả nợ theo yêu cầu nguyên đơn. Bà T cho rằng đây là nợ của con trai bà là anh Nguyễn Thanh T nên bà T đồng ý trả nợ thay cho anh T và cũng vì lý do bà T đã ký tên vào biên nhận nợ nên bà T đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, đối với chồng bà T là ông Nguyễn Thanh P thì hoàn toàn không hay biết việc vay nợ này. Do đó bà T tự nguyện trả nợ theo yêu cầu của phía nguyên đơn mà không yêu cầu anh Nguyễn Thanh T hay ông Nguyễn Thanh P phải cùng có trách nhiệm trả nợ với bà T. Xét thấy bị đơn đã thừa nhận có ký vào biên nhận ngày 16/12/2020 nên nguyên đơn không phải chứng minh cho lời thừa nhận này. Bên cạnh đó bị đơn thừa nhận có nhận 02 chỉ vàng 24K tại nhà nguyên đơn nên có căn cứ ngoài số nợ theo biên nhận ngày 26/12/2020 thì bị đơn còn nợ thêm 02 chỉ vàng 24K, bị đơn không thừa nhận có ký tên vào biên nhận ngày 14/8/2020 nhưng lại từ chối giám định nên coi như không chứng minh cho lời trình bày và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng vay vàng ngày 14/8/2020 với số lượng vàng là 02 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín) và có xác lập hợp đồng vay tiền, vàng ngày 16/12/2020 với số tiền là

33.000.000 đồng và số lượng vàng là 01 chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín).

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Đối với số tiền lãi 2.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn, các bên không có ai yêu cầu nên không xem xét.

[5] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nhưng ông Nguyễn Thanh P và anh Nguyễn Thanh T (T1) đều vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Đối với anh Thạch Hoàng S, ông Thạch K và bà Nguyễn Thị K đều không có yêu cầu gì trong vụ án. Do tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ai có yêu cầu độc lập, phía nguyên đơn và bị đơn cũng không đưa ra yêu cầu gì đối với những người này nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định và nguyên đơn được nhận lại tạm ứng án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên đề xuất hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 227, 228, 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn B số tiền vay nợ gốc là 33.000.000 đồng (ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thanh T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Nguyễn B số vàng nợ là 03 (ba) chỉ vàng 24K (loại vàng nữ trang bốn số chín).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thanh T phải nộp số tiền là 2.478.000 đồng (hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn chị Nguyễn B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002957, ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Quyền Trân